


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI



 105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

 (0251) 3822 368

 dulichdongnai.com.vn

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2020





MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1. THÔNG TIN CHUNG

- » THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- » QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- » NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- » SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
- » ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- » CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
Tên viết tắt	DONATOURS
Tên Tiếng Anh	DONG NAI TOURIST JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	DNT
Vốn điều lệ	74.596.750.000 đồng
Trụ sở chính	105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại	(0251) 3822 368
Fax	(0251) 3822 885
Email	dnt@donatours.vn
Website	www.dulichdongnai.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4703000307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/02/2006; số 3600276414 thay đổi lần thứ 05 ngày 02/12/2016.

Logo Công ty



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn trước cổ phần hóa



Công ty có tên ban đầu là Ban Giao Tế, nằm trên địa bàn thị xã Vũng Tàu, có nhiệm vụ chính là đón tiếp khách của tỉnh. Lượng khách du lịch, tham quan ở đây phần lớn là từ Liên Xô và các nước Đông Âu cũ.

Ngày 01/06/1976 đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh nói chung và của ngành du lịch nói riêng, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 121/QĐ-UBT thành lập công ty với tên gọi Công ty Du lịch Đồng Nai.

- Tháng 5/1979, thị xã Vũng Tàu tách ra khỏi tỉnh Đồng Nai, thành lập đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo theo quyết định của Quốc Hội.
- Toàn bộ cơ sở vật chất, hạ tầng được bàn giao cho đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo và địa chỉ Công ty dời về số 105, quốc lộ 1, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa. Ở đây, Công ty được UBND tỉnh giao cho các cư xá Mỹ và các cơ sở tư nhân để hoạt động.

- Tháng 11/1991 Quốc Hội tách huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc ra khỏi tỉnh Đồng Nai, để kết hợp 3 huyện này với thị xã Vũng Tàu thành lập tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng không nhỏ do phải bàn giao tuyến du lịch Long Hải cùng với toàn bộ cơ sở vật chất mà công ty đã tập trung đầu tư phần lớn nguồn lực.

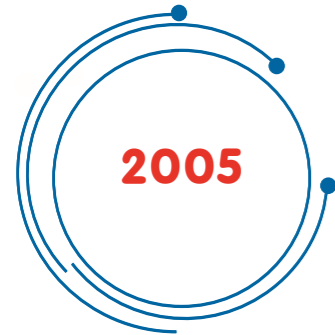
Do phần lớn cơ sở vật chất đều phải xây dựng lại từ đầu nên công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường cũng gây trở ngại cho công ty.

Ngày 01/06/1992 theo Nghị định 388/NĐ-CP của Chính phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, Công ty khách sạn Ăn uống Đồng Nai đã được sát nhập với Công ty Du lịch Đồng Nai. Do đó, ngày 25/09/1992 UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 1231/QĐ-UBT thành lập lại Công ty Du lịch Đồng Nai.

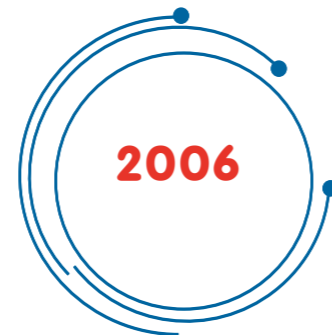


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

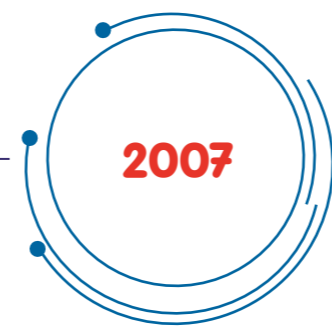
Giai đoạn sau cổ phần hóa



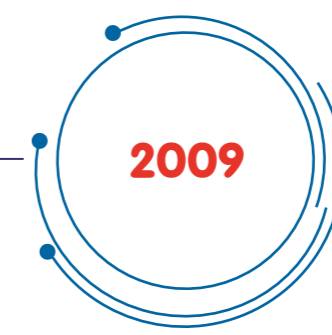
- Ngày 20/09/2005 UBND tỉnh ra Quyết định 3238/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.
- Ngày 15/12/2005, tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.092.300 cổ phần và đấu giá thành công bình quân là 10.727 đồng/cổ phần.



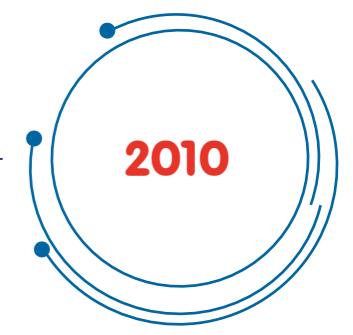
- Ngày 20/01/2006, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập;
- Ngày 17/02/2006, Công ty Du lịch Đồng Nai được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2006 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp với vốn điều lệ là 64.300.000.000 đồng (vốn thực góp là 50.327.000.000 đồng).



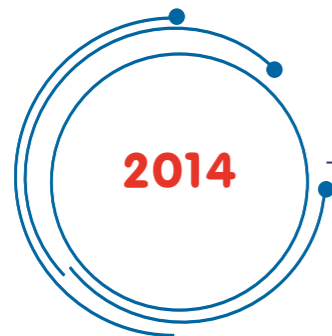
- Ngày 24/07/2007, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất.
- Ngày 20/08/2007, Công ty đã đăng ký UBCKNN trở thành công ty đại chúng.



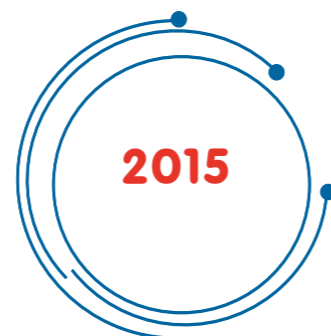
- Ngày 23/07/2009, Công ty được VSD cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 35/2009/GCNCP-TTLK, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.032.700 cổ phiếu.
- Ngày 05/08/2009, CTCP Du lịch Đồng Nai được đăng ký giao dịch 5.032.700 cổ phiếu trên thị trường UPCOM theo thông báo chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



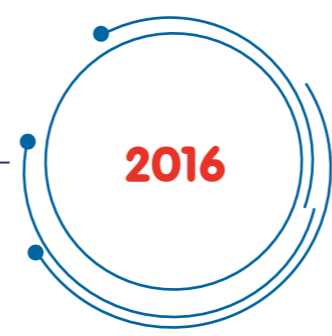
Ngày 20/12/2010, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 3600276414, thay đổi tỷ lệ vốn góp của các cổ đông và bổ sung ngành kinh doanh và bổ sung thêm các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.



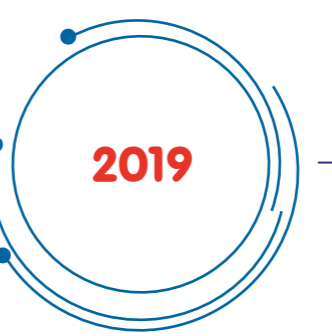
- Ngày 07/08/2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận hủy Công ty đại chúng theo Công văn số 4509/UBCK-QLPH của UBCKNN.
- Ngày 22/08/2014, Công ty được VSD chấp thuận hủy Giấy đăng ký chứng khoán theo Thông báo 1525/TB-VSD với toàn bộ cổ phiếu (5.032.700 cổ phiếu) của Công ty.
- Ngày 12/09/2014 toàn bộ cổ phiếu (5.032.700 cổ phiếu) của Công ty hủy đăng ký giao dịch theo Quyết định số 434/QĐ-SGDHN ngày 14/08/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng quy định tại Luật chứng khoán quá thời hạn một (01) năm kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng.



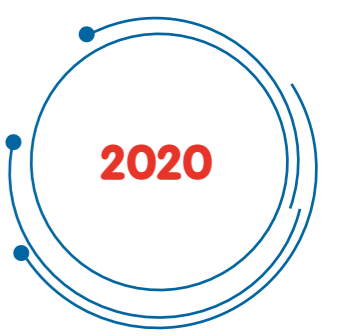
Ngày 26/05/2015, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ ba về việc tăng vốn điều lệ từ 64.300.000.000 đồng (vốn điều lệ thực góp là 50.327.000 đồng) lên thành 74.596.750.000 đồng và bổ sung thêm chi nhánh hạch toán phụ thuộc.



- Ngày 15/04/2016, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ tư về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Ngày 02/12/2016, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.



Ngày 09/10/2019, Công ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 6089/UBCK-GSĐC của UBCKNN.



- Ngày 06/01/2020, Công ty được VSD cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 02/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 7.459.675 cổ phiếu.
- Ngày 24/02/2020 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu CTCP Du lịch Đồng Nai trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu là 11.100 đồng/cổ phiếu.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

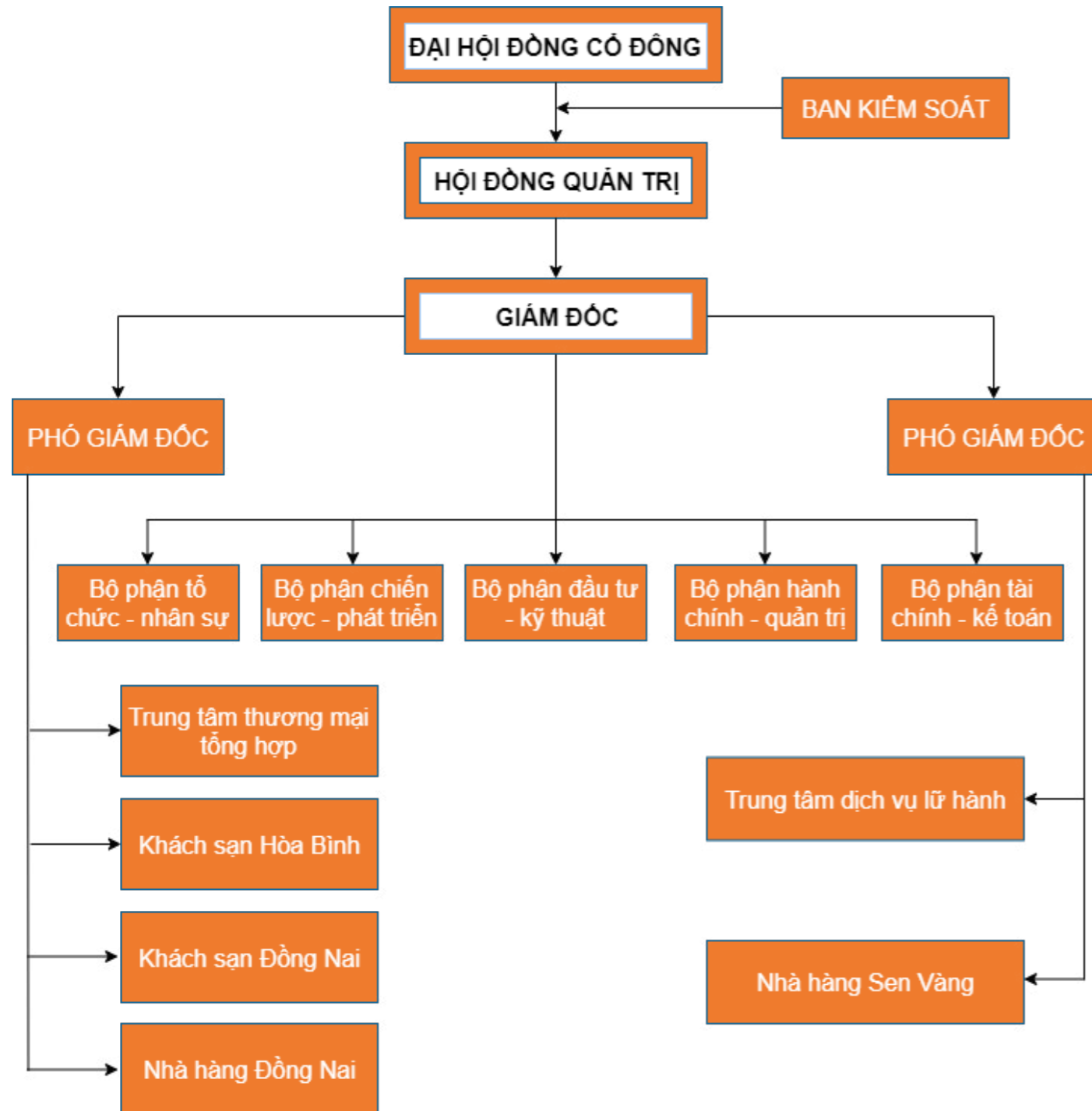
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán mô tô, xe máy	4541
2	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát	4633
3	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá	4634
4	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính)	4663
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn thuốc bảo vệ thực vật)	4669
9	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch	4932
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đường thủy, đường sắt, đường bộ	5229

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
15	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810
17	Quảng cáo	7310
18	Đại lý du lịch	7911
19	Điều hành tua du lịch	7912
20	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
21	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện	8230
22	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái	9329
23	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610

Địa bàn kinh doanh

Khu vực hoạt động chủ yếu của Donatours là tỉnh Đồng Nai, ngoài ra còn hoạt động ở các vùng lân cận.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY



Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai được xây dựng dựa trên quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Hiện nay, Công ty có 5 bộ phận chức năng và 6 đơn vị kinh doanh phối hợp với nhau theo mô hình ma trận trực tuyến, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và sự quản lý của Ban Giám đốc Công ty. Qua quá trình hình thành và phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Kiểm soát:

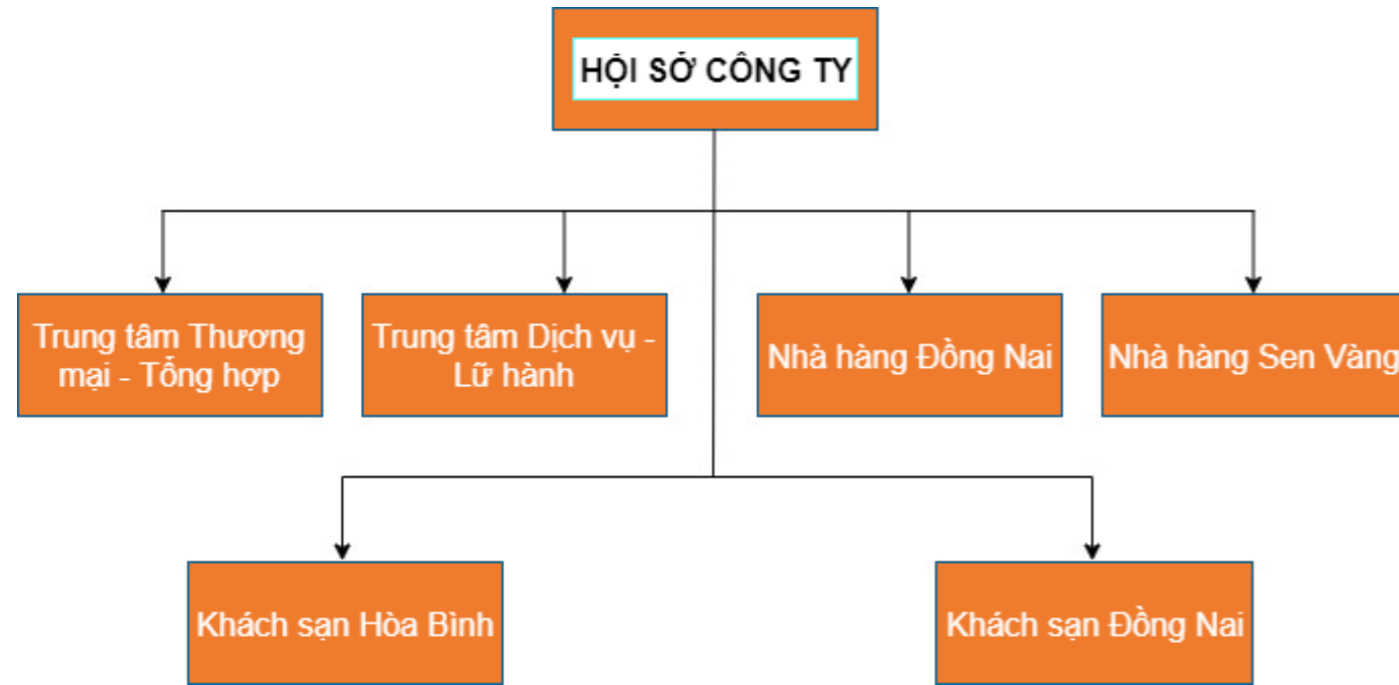
Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Ban Giám đốc:

Giám đốc của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính. Ban Giám đốc Công ty gồm 3 người: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY (TIẾP THEO)



Công ty mẹ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	KP 4, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	<ul style="list-style-type: none"> Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Điều hành tua du lịch. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch. Vận tải hành khách đường bộ khác. Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...). Đại lý du lịch. 	65,95%

Công ty con: Không có

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01 Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, Phường Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường 2, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Bước sang những ngày đầu năm 2020, nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid — 19. Bên cạnh đó, Công ty còn phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ các công ty đối thủ có lợi thế về cơ sở vật chất, giá cả linh hoạt. Ngoài ra, những sự thay đổi trong chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh mặt hàng bia, rượu, nước uống có cồn đã tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Chính những điều đó đã tạo ra áp lực cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Công ty đã đề ra phương hướng phát triển để giúp công ty hoạt động hiệu quả và bền vững như sau:

- Thực hiện chiến lược thâm nhập thị trường như tăng số lượng nhân viên bán hàng và lực lượng cộng tác viên, tăng phí quảng cáo, tăng các sản phẩm khuyến mãi. Cùng với đó, công ty xây dựng một chiến lược marketing khoa học phù hợp ngành dịch vụ ăn uống, lễ hành và xây dựng chính sách giá thành hấp dẫn phù hợp từng loại thị trường; cũng như tiến hành củng cố bộ phận marketing có năng lực thực hiện nghiên cứu thị trường để từ đó đề xuất các chiến lược, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm mới và sản phẩm khác biệt để tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các công ty đối thủ trong ngành. Đặc biệt, công ty tập trung chú trọng vào sự khác biệt về chất lượng, hình thức trình bày, dịch vụ bổ sung, cơ sở vật chất cung cấp dịch vụ và văn hóa của doanh nghiệp.
- Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng có nhiệm vụ tiếp thu và giải thích tất cả các thắc mắc của khách hàng.
- Công ty sẽ áp dụng các giải pháp để nâng cao năng suất lao động, phát huy sáng kiến cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, củng cố và nâng cao tay nghề người lao động. Đồng thời, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị nhằm tinh gọn bộ máy để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đã đề ra.

Đối với lĩnh vực khách sạn

Công ty xây dựng phương án đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất khối khách sạn, nhà hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng. Bên cạnh đó, công ty xây dựng chính sách giá bán theo từng thời điểm trong năm và duy trì, chăm sóc khách hàng hiện hữu, cũng như khai thác thêm khách hàng tiềm năng nhằm nâng cao vị thế công ty.

Đối với lĩnh vực nhà hàng

Công ty thường xuyên cải tạo, nâng cấp các sảnh tiệc trong hệ thống nhà hàng; nghiên cứu và đổi mới trang trí sảnh tiệc, nghi thức tiệc. Đội ngũ lao động là nhân lực chủ chốt giúp công ty duy trì khách hàng, và tạo ấn tượng để khách hàng có thể sử dụng dịch vụ do công ty cung cấp thường xuyên, do vậy công ty thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân viên để nâng cao tay nghề. Ngoài ra, công ty thường xuyên xây dựng các chương trình khuyến mãi với nhiều tiện ích gia tăng, phù hợp theo từng mùa vụ trong năm; luôn nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng món ăn, tạo sự khác biệt để thu hút khách hàng và nâng cao tính cạnh tranh của công ty so với các đối thủ khác.

Đối với lĩnh vực lễ hành

Công ty tập trung xây dựng đội ngũ cộng tác viên sales tour, đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp; củng cố bộ máy lễ hành cả về số lượng lẫn chất lượng để nâng cao khả năng vừa điều hành tour vừa sales tour trực tiếp với khách hàng. Ngoài ra, công ty còn liên kết với các đối tác để cùng nhau khai thác các thế mạnh của nhau và mở rộng thị trường.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

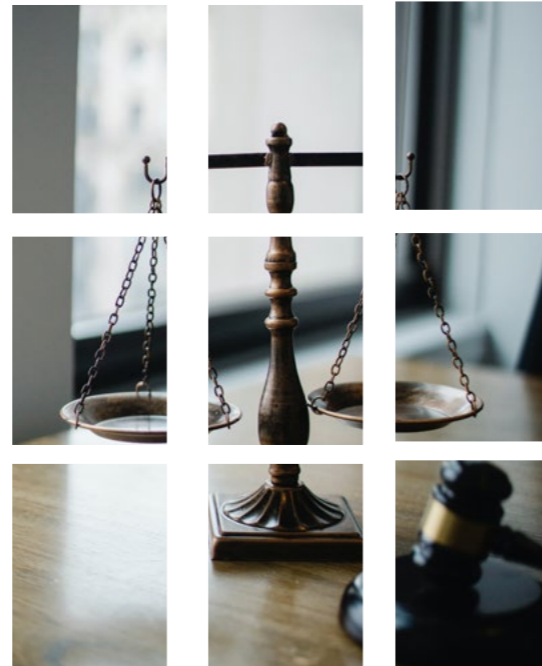
Năm 2020 là năm đánh dấu 60 năm ngày thành lập của ngành Du lịch (9/7/1960 – 9/7/2020). Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2020 đạt khoảng 3,8 triệu lượt, giảm 78,7% so với cùng kỳ, số lượng khách do các công ty lữ hành phục vụ đạt 3,7 triệu lượt khách, giảm 80,1%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Chính phủ nước ta chưa mở cửa du lịch quốc tế và thực hiện các đợt giãn cách xã hội để thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 nhằm ổn định và hồi phục nền kinh tế. Nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong công tác ngăn chặn dịch bệnh lây lan đã giúp cho nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hồi phục nhanh chóng với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 được ghi nhận 2,91%. Là ngành kinh tế mũi nhọn có đóng góp cao vào GDP nước ta (9,2% GDP năm 2019), ngành du lịch đã được Chính phủ quan tâm, tập trung hồi phục khi tình hình dịch bệnh ổn định và thực hiện Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030 theo Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị. Việc hồi phục

ngành du lịch trước tiên sẽ phụ thuộc vào du lịch nội địa bởi vì “ngành công nghiệp không khói” này sẽ kéo theo nhu cầu của các ngành liên quan như: khách sạn, hàng không, thương mại, giao thông vận tải.

Đồng Nai là một trong những tỉnh có nền công nghiệp phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế được xếp vào loại đứng đầu cả nước. Bên cạnh lợi thế về công nghiệp, khi Sân bay quốc tế Long Thành được xây dựng và đi vào hoạt động sẽ làm tăng số lượng khách đến tỉnh Đồng Nai, điều này sẽ tạo ra cơ hội phát triển ngành du lịch ở tỉnh bởi vì nơi đây có lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như các địa danh nổi tiếng. Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh thu hút nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, do vậy sẽ làm tăng nhu cầu tổ chức hội nghị, sự kiện ra mắt sản phẩm của doanh nghiệp. Để tận dụng những cơ hội hiện có, Donatours luôn chú trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo sự khác biệt về sản phẩm mang đặc tính văn hóa của công ty và từng bước khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Rủi ro pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Là Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty sẽ chịu sự chi phối của rất nhiều Bộ Luật và các văn bản dưới luật liên quan. Cụ thể, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 cùng có hiệu lực vào 01/01/2021 sẽ ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản trị và hoạt động công ty, ngoài ra công ty chịu ảnh hưởng bởi các văn bản pháp luật khác như Luật Lao động, Luật Du lịch... Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới, do đó nhiều văn bản pháp luật đang được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế và để hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn thiện hơn. Do vậy, để hạn chế những rủi ro pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động, công ty luôn cập nhật liên tục các quy định pháp luật mới đổi, đồng thời tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết nhằm tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và vị thế công ty.



Rủi ro nguồn nhân lực

Ngành du lịch, khách sạn là ngành đòi hỏi nhân sự có trình độ chuyên môn cao. Do đó, nhân sự là một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong chiến lược hoạt động kinh doanh của Donatours. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, số lượng nhân viên nghỉ việc tại các công ty ngày càng tăng, điều này ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của công ty khi tình hình dịch bệnh ổn định. Ngoài ra, Công ty luôn xây dựng chính sách cơ chế phúc lợi để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực. Ngoài ra, công ty luôn tổ chức các chương trình đào tạo nhân sự để nâng cao kỹ năng và trình độ chuyên môn.



Rủi ro cạnh tranh

Du lịch là một ngành có tính cạnh tranh quyết liệt khi ngày càng có nhiều các công ty gia nhập ngành với những loại hình dịch vụ đa dạng, phong phú và chất lượng, nhiều công ty lữ hành có uy tín có nhiều văn phòng đại diện tại nhiều khu vực khác nhau, điều này đã làm cho công ty đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Đồng thời, thị trường khách sạn, nhà hàng cũng chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp có lợi thế về quy mô, cơ sở vật chất và chính sách giá cả. Nếu không nghiên cứu kỹ nhu cầu khách hàng, đối thủ cạnh tranh, không nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng phục vụ sẽ ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Với thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng du lịch thông minh ngày càng phát triển và đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Các công ty du lịch truyền thống nếu không thay đổi theo xu hướng phát triển của ngành sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức từ các đối thủ áp dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản bá tour du lịch.

Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã được trình bày, công ty còn phải đối mặt với các rủi ro khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty như hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro sự cố trong quá trình vận hành... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra và là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp như nâng cao ý thức người lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình làm việc, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi những biến cố xảy ra.





2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- » TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- » TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
- » TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- » CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
- » BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020	% TH 2020/ TH 2019
Doanh thu thuần	267.281	-	198.842	-	74,39%
Tổng doanh thu	271.727	240.000	202.756	84,48%	74,62%
Lợi nhuận trước thuế	15.722	13.200	7.706	58,38%	49,02%
Lợi nhuận sau thuế	12.666	-	6.705	-	52,94%

Năm 2020 được xem là một năm khó khăn đối với Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai khi du lịch là một trong những ngành bị ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch Covid-19. Sau thời gian thực hiện giãn cách xã hội, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chưa khôi phục như mức bình thường. Cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt trong mảng du lịch lưu trú khi hàng loạt dịch vụ homestay, Airbnb... thâm nhập vào thị trường Việt Nam trong những năm gần đây làm thu hẹp thị phần ngành du lịch lưu trú của doanh nghiệp, dẫn tới các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận giảm đáng kể.

Cụ thể, tổng doanh thu của Công ty năm 2020 ghi nhận 202.756 triệu đồng, đạt 74,62% so với năm 2019 và hoàn thành 84,48% so với kế hoạch; doanh thu thuần ghi nhận 198.842 triệu đồng, đạt 74,39% so với năm 2019; lợi nhuận trước thuế ghi nhận 7.706 triệu đồng, đạt 49,02% so với năm 2019, hoàn thành 58,38% so với kế hoạch.

Mặc dù các chỉ tiêu đạt được đều thấp hơn so với dự kiến, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã cố gắng hết mình trong công tác vận hành Công ty suốt năm vừa qua.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

(*) Tính tại thời điểm 31/12/2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Minh Thức	Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT	1.330.150	17,83%
2	Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	909.000	12,19%
3	Huỳnh Quốc Bảo	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	900.150	12,06%
4	Đặng Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng	200	0,00%

Lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Minh Thức
Giám đốc kiêm
Phó Chủ tịch HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bochang Donatours.
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 10.150 cổ phiếu (chiếm 0,14% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 1.320.000 cổ phiếu (chiếm 17,69% vốn điều lệ)

Ông Nguyễn Văn An
Phó Giám đốc kiêm
Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 9.000 cổ phiếu (chiếm 0,13% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,06% vốn điều lệ)

Ông Huỳnh Quốc Bảo
Phó Giám đốc kiểm
Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 150 cổ phiếu (chiếm 0,002% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,06% vốn điều lệ)

Bà Đặng Thị Tố Ngân
Kế toán trưởng

- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu (chiếm 0,003% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại 01/01/2021	
2	Huỳnh Quốc Bảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại 01/01/2021	
3	Tổng Duy Khương	Kiểm soát viên	26/06/2020	
4	Nguyễn Thị Phương Mai	Kiểm soát viên		26/06/2020



Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A Theo trình độ		179	100,00%
1	Trên đại học, Đại học	43	24,02%
2	Cao đẳng	8	4,47%
3	Trung cấp, sơ cấp	76	42,46%
4	Lao động trực tiếp	52	29,05%
5	Lao động phổ thông	-	-
6	Khác	-	-
B Theo tính chất hợp đồng lao động		179	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	91	50,84%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	82	45,81%
3	Hợp đồng theo thời vụ	6	3,35%
C Theo giới tính		179	100,00%
1	Nam	95	53,07%
2	Nữ	84	46,93%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Tổng số lượng người lao động (người)	200	202	179
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.600.000	8.000.000	9.500.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, phát triển nguồn nhân lực luôn được Công ty chú trọng thông qua các chương trình đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Công ty xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tiêu chuẩn đào tạo phù hợp với từng vị trí, chức danh công việc.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt: Chú trọng nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Công ty chú trọng, ưu tiên đào tạo đối với CBCNV có trình độ trên đại học để phù hợp với yêu cầu,

nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

Đối với CBCNV mới sẽ được Công ty đào tạo hội nhập môi trường làm việc, các quy định chung, chính sách và tương tác với các phòng ban giúp CBCNV hiểu được quy trình làm việc.

Đối với CBCNV chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

Công ty luôn động viên, khuyến khích CBCNV phát huy tinh thần tự học, tính sáng tạo, đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp và cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh.

Chế độ làm việc

Chế độ làm việc của Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. CBCNV công ty được nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động. Đối với các CBCNV làm thêm ngoài giờ hoặc theo yêu cầu của công ty thì CBCNV được hưởng chế độ đãi ngộ thỏa đáng.



Môi trường làm việc

Công ty không chỉ mang đến cho người lao động môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động mà còn tạo môi trường thân thiết, gắn kết giữa các CBCNV như một gia đình. Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc cho nhân viên, môi trường làm việc được thiết kế khang trang, ngăn nắp để khơi nguồn cảm hứng, thúc đẩy năng suất lao động.

Chính sách lương thưởng

Việc chi trả lương cho CBCNV được thực hiện theo quy chế tiền lương của công ty và tuân theo quy định của pháp luật. Chính sách lương của công ty được xây dựng đảm bảo tính công bằng, tùy thuộc vào từng vị trí và mức độ hoàn thành công việc, mức độ đóng góp ý kiến, giải pháp giúp cải thiện kết quả kinh doanh của công ty.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng luôn được công ty quan tâm nhằm giữ chân, thu hút người tài đáp ứng nguồn nhân lực của Công ty.



Chính sách bảo hiểm và phúc lợi

Các chế độ BHXH, BHYT được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo CBCNV được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV đảm bảo người lao động có sức khỏe tốt để làm việc hiệu quả và tổ chức các sự kiện tập thể nhằm gắn kết mối quan hệ giữa các CBCNV và công ty. Chính sách phúc lợi được Ban Lãnh đạo xây dựng chi tiết, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung để duy trì chế độ phúc lợi cho CBCNV ở mức cao, đáp ứng nhu cầu sống của người lao động qua đó góp phần khích lệ, tạo động lực cho CBCNV phát huy hết năng lực của mình, đóng góp vào sự phát triển của công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm Công ty đã đầu tư mua sắm và thay thế nội thất phòng ngủ khu A Khách sạn Đồng Nai, cải tạo chính trang nội thất sảnh tiệc Nhà hàng Sen Vàng; cải tạo sửa chữa Nhà hàng Đồng Nai, mua sắm bổ sung và thay thế trang thiết bị nâng cao hình ảnh công ty, chất lượng dịch vụ và uy tín thương hiệu của đơn vị. Tổng kinh phí đầu tư (chưa bao gồm thuế) là 2,2 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Cải tạo sửa chữa Nhà hàng Đồng Nai cho phù hợp với mô hình liên doanh liên kết, kinh phí 820 triệu đồng.
- Đầu tư sửa chữa chính trang Nhà hàng Sen Vàng, kinh phí 750 triệu đồng.
- Mua sắm trang thiết bị cho Nhà hàng Sen Vàng, kinh phí 250 triệu đồng.
- Mua sắm trang thiết bị phòng ngủ khu A Khách sạn Đồng Nai, kinh phí 200 triệu đồng.
- Sửa chữa bếp và nâng cấp một số phòng ngủ Khách sạn Hòa Bình, kinh phí 180 triệu đồng.

Công tác đầu tư, sửa chữa, mua sắm được thực hiện có trọng điểm, tuân thủ đúng quy trình đầu tư mua sắm theo quy định của Nhà nước và quy chế công ty ban hành.

Các hạng mục đầu tư đã thực hiện bước đầu phát huy được hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh và đóng góp cho sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	116.953	107.050	91,53%
2	Doanh thu thuần	267.281	198.842	74,39%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	14.598	7.111	48,71%
4	Lợi nhuận khác	1.124	595,32	52,96%
5	Lợi nhuận trước thuế	15.722	7.706	49,01%
6	Lợi nhuận sau thuế	12.666	6.705	52,94%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

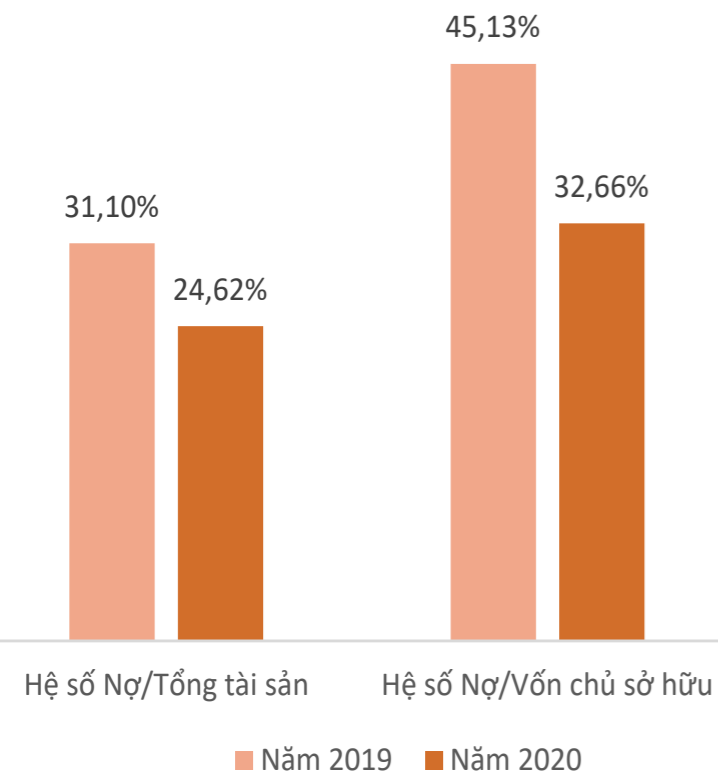
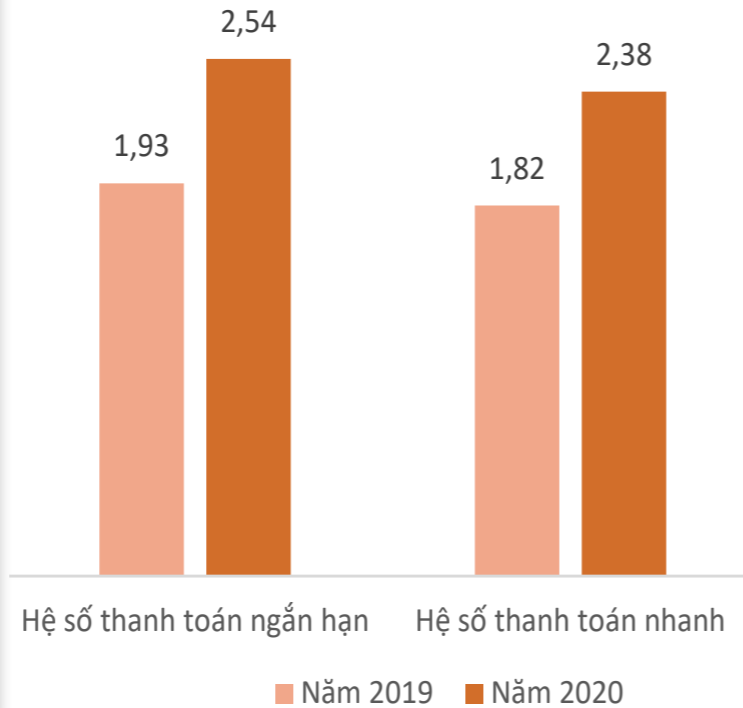
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,93	2,54
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,82	2,38
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,10%	24,62%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	45,13%	32,66%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	48,18	42,69
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,28	1,78
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,74%	3,37%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,83%	8,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,83%	5,99%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,46%	3,58%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty đều tăng trong năm 2020. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ mức 1,93 năm 2019 lên 2,54 năm 2020. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ mức 1,82 lần lên mức 2,38 lần năm 2020.

Nguyên nhân của sự thay đổi trên do nợ ngắn hạn của Công ty giảm mạnh so với tài sản ngắn hạn; cụ thể, nợ ngắn hạn giảm 29,35% trong khi tài sản ngắn hạn giảm 7,14%. Vì sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên quỹ lương của Công ty thu hẹp. Theo đó, nợ phải trả người lao động tại thời điểm cuối năm 2020 ghi nhận 1.785 triệu đồng, giảm 4.161 triệu đồng so với năm 2019. Phải trả ngắn hạn khác giảm 3.883 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong năm Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

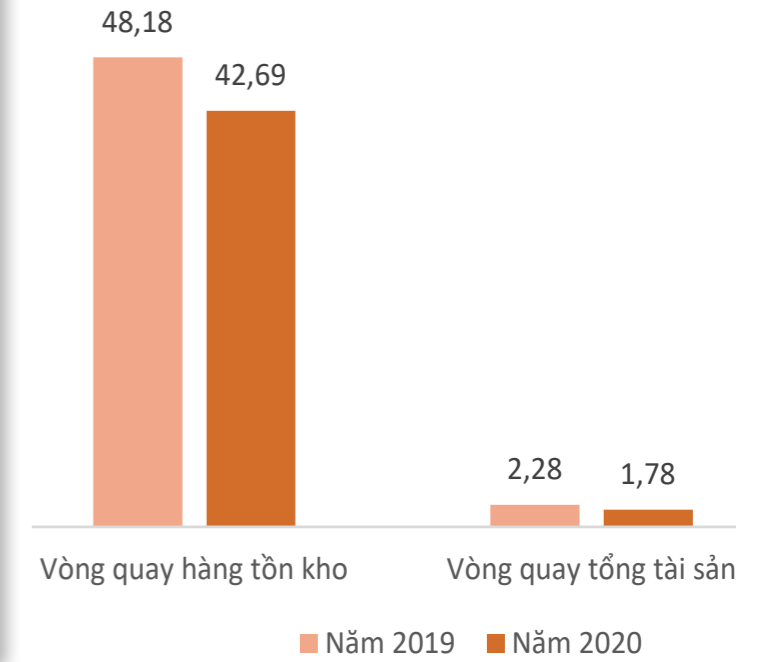
Nguồn vốn của Công ty chủ yếu được hình thành từ vốn tự có, doanh nghiệp không phát sinh bất kỳ khoản nợ vay tài chính nào tại thời điểm cuối năm 2020.

Bộ chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty luôn được duy trì ở mức hợp lý. Trong đó, nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 24,62% và 32,66% năm 2020, có xu hướng giảm so với năm 2019. Nguyên nhân của sự cải thiện hai bộ chỉ số trên là do trong năm nợ phải trả giảm hơn 10 tỷ đồng, từ 36.369 triệu đồng xuống 26.365 triệu đồng. Theo đó, các yếu tố chính như khoản phải trả người lao động giảm 4.161 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp nhà Nước giảm 856 triệu đồng; phải trả ngắn hạn khác giảm 3.883 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Qua các hệ số đòn bẩy này cho thấy Công ty có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong việc lập kế hoạch tài chính dài hạn cho các hoạt động kinh doanh, giảm sử dụng vốn vay cũng như tối ưu được cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

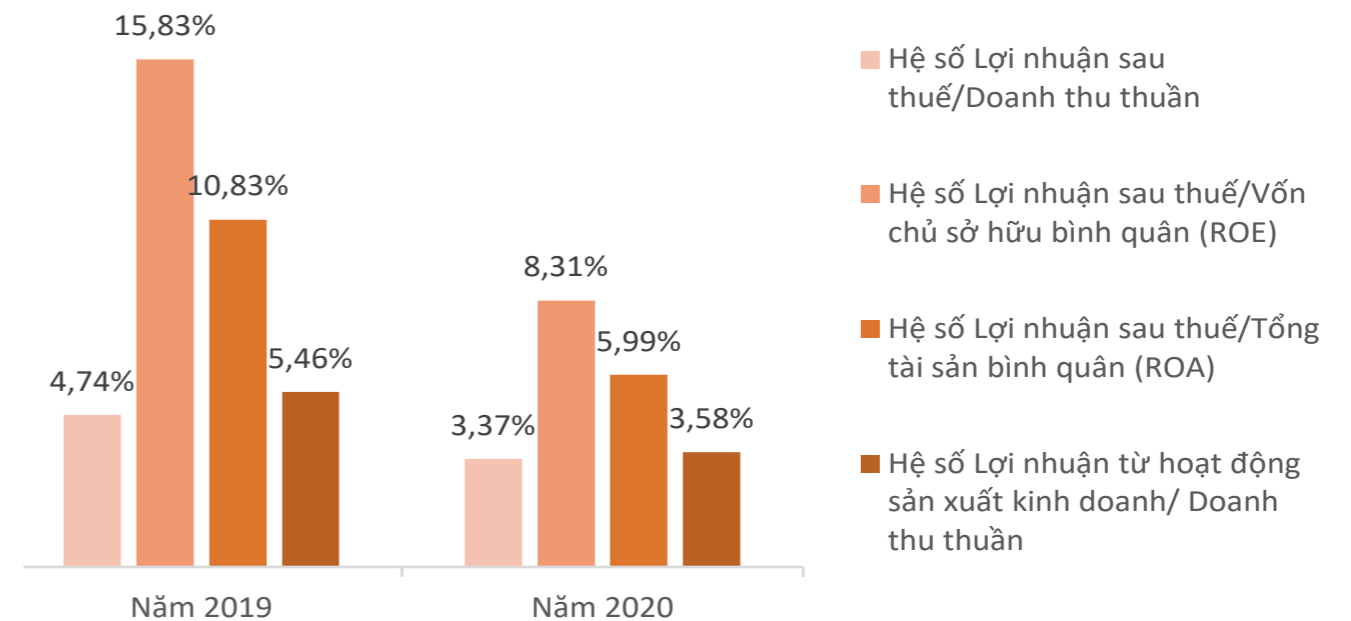
Với đặc thù hoạt động trong ngành dịch vụ du lịch nên giá trị hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng tài sản, dẫn tới vòng quay hàng tồn kho thường khá cao. Trong năm 2020, giá vốn bán hàng của Công ty giảm hơn 70 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do tác động của dịch Covid-19, kéo theo số vòng quay hàng tồn kho của DNT giảm từ 48,18 vòng năm 2019 xuống 42,69 vòng năm 2020.

Bên cạnh đó, doanh thu thuần giảm do dịch Covid-19 hoành hành cũng như sức cạnh tranh gay gắt trong ngành dịch vụ lưu trú dẫn tới vòng quay tổng tài sản của Công ty giảm từ 2,28 vòng xuống 1,78 vòng năm 2020.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn trong năm 2020 do dịch Covid-19 dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời thấp hơn so với dự kiến. Biên lợi nhuận ròng đạt 3,37%, giảm so với mức 4,74% năm 2019. Các chỉ số ROE, ROA cùng đồng loạt giảm so với năm trước, lần lượt ghi nhận 8,31% và 5,99% năm 2020. Sự sụt giảm chỉ tiêu về khả năng sinh lời là điều khó tránh khỏi đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch năm 2020 khi tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường trên thế giới ảnh hưởng tới du lịch quốc tế lẫn nội địa



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu (tại ngày 31/12/2020)

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 7.459.675 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.280.925.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 178.750 cổ phiếu.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	7.280.925	72.809.250.000	97,60%
1	Cổ đông Nhà nước	4.920.000	49.200.000.000	65,95%
2	Cổ đông tổ chức	1.219.500	12.195.000.000	16,35%
3	Cổ đông cá nhân	1.141.425	11.414.250.000	15,30%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
1	Cá nhân	0	0	0,00%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	178.750	1.787.500.000	2,40%
	Tổng cộng	7.459.675	74.596.750.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	4.920.000	65,95%
2	Công ty TNHH Thanh Bình	1.219.500	16,35%
3	Bà Huỳnh Thị Bích Phượng	794.250	10,65%
	Tổng cộng	6.933.750	92,95%

Tình hình thay đổi vốn góp của chủ sở hữu

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			Vốn điều lệ đăng ký là: 64.300.000.000		Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20/09/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Đồng Nai thành công ty cổ phần;
CPH	17/02/2006		Tại thời điểm bàn giao vốn thực góp là 50.327.000.000	Cổ phần hóa	Biên bản bàn giao số 293/BB/CP-DL ngày 31/08/2006 của Ban đổi mới phát triển về việc bàn giao tài sản, nguồn vốn giữa Công ty Du lịch Đồng Nai và Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai
					Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307, đăng ký lần đầu ngày 17/02/ 2006 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp.
Lần 1	Tháng 05/2015	24.269.750.000	74.596.750.000	Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 70/ĐHCD/BB ngày 10 tháng 04 năm 2015. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 71/DLĐN/ĐHCD-NQ ngày 10 tháng 04 năm 2015.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có



BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG



Tiêu thụ nước

Công ty cho rằng nguồn nước là tài nguyên vô cùng quan trọng đối với đời sống sinh hoạt của người dân đặc biệt là những khu vực vùng sâu vùng xa khó tiếp cận với nguồn nước sạch. Vì vậy trong quá trình hoạt động, công ty có những chính sách hạn chế việc lãng phí nước đồng thời tối thiểu chi phí hoạt động thông qua công tác kiểm tra hệ thống đường ống, trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục, sửa chữa tránh tình trạng nước bị rò rỉ hay thất thoát.



Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng công ty sử dụng trong quá trình hoạt động chủ yếu là điện năng, tuy nhiên tình trạng thiếu điện vẫn tiếp tục diễn ra ở nước ta. Nhận thức được vấn đề cấp thiết trong thiếu hụt năng lượng để phục vụ cho quá trình hoạt động, công ty áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng như sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, tắt bớt các thiết bị điện không cần thiết, tận dụng các nguồn năng lượng có sẵn như nguồn năng lượng mặt trời, ánh sáng tự nhiên.



Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn cho rằng người lao động là yếu tố động lực để phát triển bền vững. Công ty công nhận, quý trọng công sức đóng góp của CBCNV trong quá trình làm việc. Công ty luôn dành sự quan tâm đến việc làm, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống của người lao động. Các chương trình đào tạo, lớp tập huấn, các lớp về kỹ năng an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy luôn được công ty tổ chức thường xuyên.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực hưởng ứng tham gia các chương trình cải thiện môi trường cảnh quan thiên nhiên, hưởng ứng giờ Trái Đất. Bên cạnh vấn đề môi trường, các vấn đề xã hội hướng tới cộng đồng cũng được công ty quan tâm. Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động đóng góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ, giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, các hoạt động khuyến học tại các huyện, các xã còn nhiều khó khăn.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị, bảo tồn thiên nhiên và thường xuyên vệ sinh môi trường làm việc, cảnh quan xung quanh công ty và các đơn vị kinh doanh. Công ty tích cực tuyên truyền, nâng cao ý thức người lao động và khuyến khích mọi người tham gia vào các chương trình bảo vệ môi trường nhằm giữ cho môi trường xung quanh xanh — sạch — đẹp.



3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- » ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- » TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- » NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- » KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
- » TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Thuận lợi

- Với hơn 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành cùng với đội ngũ quản lý mạnh và nhân viên phục vụ chuyên nghiệp, hiện nay Donatours là công ty dẫn đầu về kinh doanh sản phẩm dịch vụ: nhà hàng, khách sạn, và dịch vụ du lịch của tỉnh Đồng Nai. Công ty luôn duy trì tinh hình tài chính lành mạnh, có nguồn vốn dồi dào đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và đội ngũ nhân viên tâm huyết, có kinh nghiệm.
- Loại hình dịch vụ kinh doanh đa dạng, phong phú, khác biệt và đã có những bước đi vững chắc trong công tác đào tạo nghiệp vụ bài bản cho nhân sự cùng với chiến lược kinh doanh rõ ràng nhằm khẳng định một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực du lịch của tỉnh Đồng Nai.
- Việt Nam được xem là một trong những nước kiểm soát dịch bệnh tốt, do vậy ngành du lịch sẽ sớm hồi phục nhanh chóng. Ngoài ra, chính đại dịch Covid — 19 đã thúc đẩy sự phát triển trong việc chuyển đổi số của ngành du lịch, giúp doanh nghiệp tiếp cận được nguồn khách hàng tiềm năng, giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh.
- Đồng Nai nằm trong vùng động lực phát triển kinh tế phía Nam, là một trong những tỉnh có nền công nghiệp phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế được xếp vào loại đứng đầu cả nước. Bên cạnh thế mạnh về công nghiệp, Đồng Nai có thế mạnh về phát triển du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái với mật độ các khu du lịch trải đều trên toàn tỉnh.

Khó khăn

- Ngành dịch vụ, du lịch phụ thuộc vào sự tăng trưởng của nền kinh tế, mức thu nhập của du khách, thị hiếu của người tiêu dùng, và đặc biệt là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh hiện nay.
- Công ty luôn chú trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhưng nguồn nhân lực hiện nay vẫn chưa đáp ứng nhu cầu chung của ngành và xu hướng thế giới.
- Mảng kinh doanh của công ty đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ đã làm giảm thị phần của công ty. Đồng thời biến động trong chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công đã tạo ra áp lực cho công ty trong việc duy trì thế mạnh để đảm bảo khả năng cạnh tranh.
- Hiện nay, cơ sở hạ tầng kết nối đến địa bàn tỉnh Đồng Nai chưa được đầu tư đồng bộ do vướng mắc trong vấn đề pháp lý, nguồn vốn.
- Ngay đầu năm 2020 Công ty đã chịu tác động kép từ Nghị định 100/2019/NĐCP có hiệu lực quy định hạn chế sử dụng rượu bia khi tham gia lưu thông làm ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu bán bia của công ty, cụ thể theo thống kê từ đầu năm doanh thu lĩnh vực này giảm từ 25% đến 30%.
- Tình hình dịch bệnh các nước trên thế giới vẫn còn diễn biến rất phức tạp và kéo dài, chính phủ vẫn siết chặt khâu nhập cảnh, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ở mức cầm chừng, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiêu dùng của người dân và các khách hàng tiềm năng của Công ty.

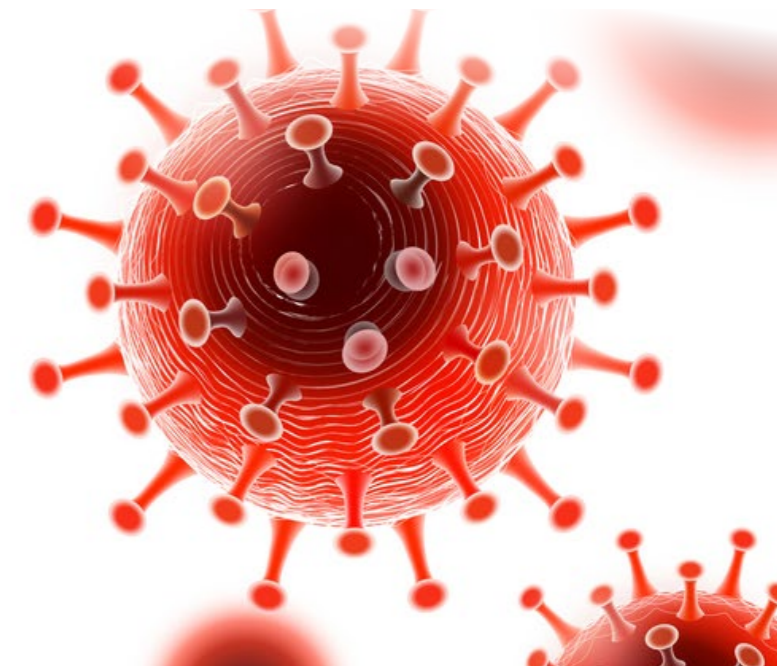
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020	% TH 2020/ TH 2019
Doanh thu thuần	267.281	-	198.842	-	74,39%
Tổng doanh thu	271.727	240.000	202.756	84,48%	74,62%
Lợi nhuận trước thuế	15.722	13.200	7.706	58,38%	49,02%
Lợi nhuận sau thuế	12.666	-	6.705	-	52,94%

“	• Doanh thu thuần :	198.842	tỷ đồng
”	• Lợi nhuận trước thuế :	7.706	tỷ đồng
	• Lợi nhuận sau thuế :	6.705	tỷ đồng

Mức độ tàn phá ngoài sức tưởng tượng của dịch Covid-19 khiến ngành du lịch Việt Nam lao đao, hoạt động kinh doanh của Công ty theo đó bị ảnh hưởng nặng nề dẫn tới các chỉ tiêu tài chính sụt giảm. Cụ thể, doanh thu thuần ghi nhận 198.842 triệu đồng, đạt 74,39% so với năm 2019. Tổng doanh thu ghi nhận 202.756 triệu đồng, đạt 84,48% so với kế hoạch và 74,62% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế đạt 6.705 triệu đồng, đạt 52,94% so với cùng kỳ năm trước.

COVID-19
CORONAVIRUS
NOVEL CORONAVIRUS



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

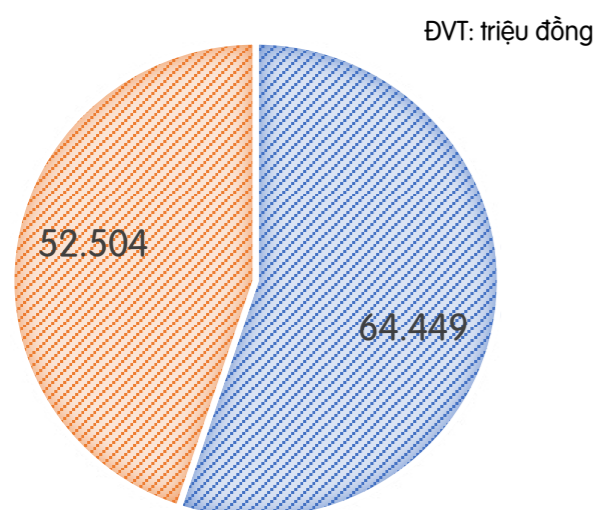
Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm(%)
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	64.449	55,11%	59.833	55,89%	-7,16%
Tài sản dài hạn	52.504	44,89%	47.217	44,11%	-10,07%
Tổng tài sản	116.953	100	107.050	100	-8,47%

Tính đến cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn của Công ty ghi nhận 59.833 triệu đồng, giảm 7,16% so với năm 2019 và chiếm 55,89% tổng tài sản. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 6.925 triệu đồng do Công ty chi tiền tạm ứng cổ tức cho các cổ đông hiện hữu. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 1.710 triệu đồng so với năm 2019.

Năm 2020, tài sản dài hạn của Công ty ghi nhận 47.217 triệu đồng, giảm 10,07% so với năm 2019 và chiếm 44,11% tổng tài sản. Nguyên nhân của sự sụt giảm trên chủ yếu do trong năm Công ty đã trích khấu hao tài sản cố định và thanh lý một số phương tiện vận tải hoạt động không còn hiệu quả.

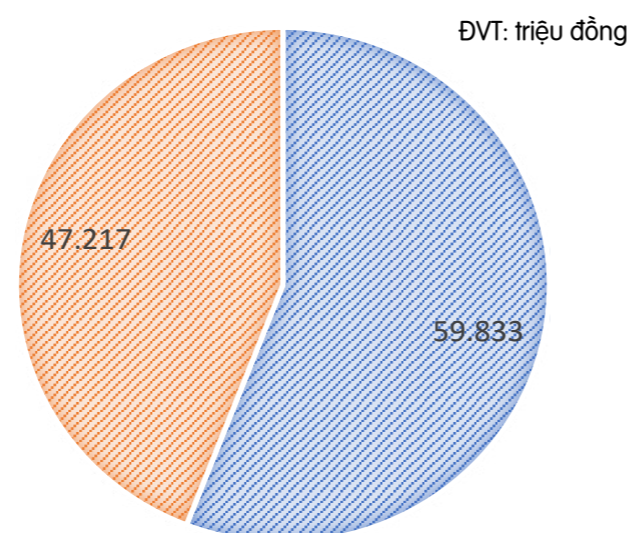
Các yếu tố biến động trên dẫn tới tổng tài sản của Công ty năm 2020 đạt 107.050 triệu đồng, giảm 8,47% so với năm 2019.

NĂM 2019



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

NĂM 2020



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



ĐVT: triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	76.150.047.203	24.369.972.589	32,00%
Máy móc thiết bị	17.380.399.269	2.266.469.832	13,04%
Phương tiện vận tải	6.345.739.025	651.872.416	10,27%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	237.892.476	29.166.669	12,26%
Cộng	100.114.077.973	27.317.481.506	27,29%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

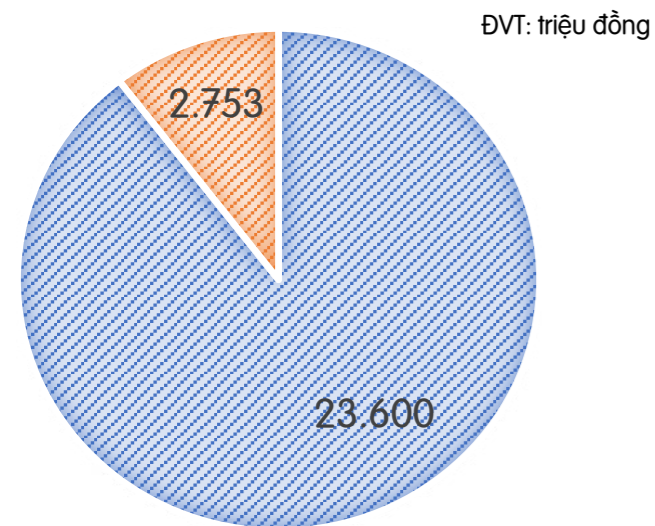
Nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm(%)
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	33.431	91,92%	23.600	89,55%	-29,41%
Nợ dài hạn	2.938	8,08%	2.753	10,45%	-6,30%
Tổng nợ phải trả	36.369	100%	26.353	100,00%	-27,54%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty năm 2020, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 89,55% với giá trị đạt 23.600 triệu đồng. Theo đó, nợ ngắn hạn của Công ty giảm 29,41% so với năm 2019 do khoản phải trả người lao động và phải trả ngắn hạn khác giảm mạnh, lần lượt ghi nhận 1.785 triệu đồng và 4.065 triệu đồng. Nợ dài hạn của Công ty giảm 6,30% do khoản mục dự phòng phải trả dài hạn tại thời điểm cuối năm 2020 giảm tương ứng 230 triệu đồng.

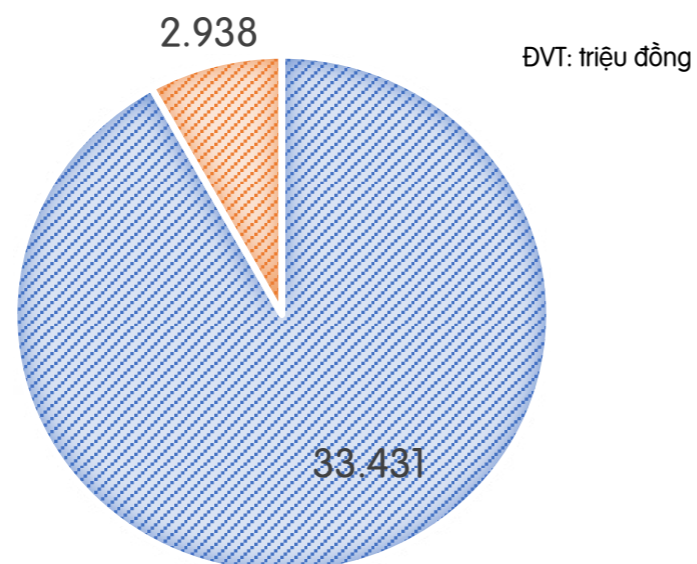
Các yếu tố biến động trên dẫn tới tổng nợ phải trả của Công ty năm 2020 ghi nhận 26.353 triệu đồng, giảm 27,54% so với cùng kỳ năm trước.

NĂM 2019



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

NĂM 2020



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong quá trình hoạt động, công ty luôn tìm hiểu nhu cầu thị trường, cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ để thúc đẩy hiệu quả hoạt động kinh doanh. Với xu hướng công nghệ hóa, hiện đại hóa, công ty tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn công ty thông qua các phần mềm chuyên nghiệp như phần mềm quản lý bán hàng, phần mềm thanh toán và xuất hóa đơn điện tử, điều đó giúp quản lý hoạt động kinh doanh hiệu quả, giúp khai thác nguồn khách hàng tiềm năng. Công ty thực hiện tốt hệ thống quản lý ISO 9001:2015 phù hợp với thực tế và thực hiện chương trình 5S.

Với mục tiêu lấy con người là trung tâm, do đó Donatours luôn cải tiến chính sách quản lý, điều hành, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chủ trương xây dựng và hướng tới môi trường làm việc chuyên nghiệp, thiết lập chế độ chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp để thu hút và giữ chân người tài. Ngoài ra, công ty áp dụng phương pháp KPI trong công tác quản trị nhân sự và người lao động được trả lương, thưởng dựa trên bảng đánh giá hiệu quả công việc

Công ty xây dựng cơ cấu Quản trị hiệu quả, minh bạch đồng thời hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ phục vụ cho công tác quản lý và điều hành công ty. Ngoài ra, công ty thực hiện hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở cho hoạt động thường xuyên của toàn công ty. Công tác quản trị luôn được theo dõi sát sao, giám sát chặt chẽ đảm bảo đúng quy định công bố thông tin

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

- Tổng Doanh thu: 200.000.000.000 đồng
- Tổng chi phí có lương: 195.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5.000.000.000 đồng
- Cổ tức chi trả: 5%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

- Chinh trang tầng lầu Nhà hàng Sen Vàng.
- Thống nhất kế hoạch hợp tác kinh doanh loại hình dịch vụ ăn uống “CLB giải trí Ngày ấy” tại Nhà hàng Đồng Nai.
- Nâng cấp sảnh tiệc Rose1 và Rose2 tại khách sạn Đồng Nai với kinh phí ước tính 5,762 tỷ đồng.
- Cải tạo mặt bằng bãi xe phục vụ tiệc, hội nghị tại khu vực bãi xe sân tennis khách sạn Đồng Nai (nâng lên 1 tầng làm bằng khung thép).

BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ vào tình hình thực tế của nền kinh tế Việt Nam trước những dự báo tăng trưởng khả quan của các tổ chức kinh tế như WorldBank dự báo GDP của Việt Nam năm 2021 là 6,8%, Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF với mức dự báo GDP năm 2021 là 6,7% và kết hợp dự đoán của Ban Giám đốc trước những biến động của nền kinh tế - xã hội, Ban lãnh đạo đưa ra các biện pháp để thực hiện kế hoạch 2021 của công ty như sau:

- Thực hiện các chiến dịch quảng bá thương hiệu, hình ảnh của công ty thông qua các hoạt động marketing và xây dựng một chiến lược marketing khoa học phù hợp đối với lĩnh vực dịch vụ ăn uống, lữ hành. Đồng thời củng cố bộ phận nghiên cứu marketing để xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của du khách và mang tính riêng biệt gắn hóa với văn hóa doanh nghiệp.
- Tiếp tục phát triển và củng cố bộ phận chăm sóc khách hàng để giải đáp các thắc mắc của khách hàng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong quá trình hình thành và phát triển, Donatours không những duy trì hoạt động ổn định mà còn chú trọng vào những yếu tố phi tài chính, là động lực song hành với định hướng phát triển bền vững của công ty. Công ty ý thức vấn đề ô nhiễm môi trường là vấn đề quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và Donatours nói riêng, vì vậy công ty nâng cao nhận thức của CBCNV về việc tiết kiệm năng lượng, giữ gìn vệ sinh chung nhằm giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất. Ngoài ra công ty còn hướng sự quan tâm đến cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động từ thiện, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ chiến sĩ vùng biển đảo





4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- » VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- » KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Doanh nghiệp bên cạnh việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế thì việc đảm bảo cân đối hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động, môi trường, cộng đồng và xã hội cũng là một trong những nhiệm vụ luôn được ưu tiên hàng đầu.

HĐQT đã thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát thông qua các báo cáo đánh giá phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động điều hành.

Với nhận định 2020, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn và thách thức do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, những diễn biến khó lường ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu định hướng phát triển Công ty theo hướng ổn định bền vững, bám sát theo diễn biến thực tế hoạt động của doanh nghiệp, tập trung chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động để thực hiện hoàn thành và vượt qua các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thông qua các cuộc họp HĐQT trong năm 2020 (thường kỳ và bất thường), HĐQT đã thảo luận và rà soát các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020 nhằm hướng đến việc hoàn thành mục tiêu, chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2020. Ngoài ra phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thông qua các báo cáo đánh giá phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động điều hành, đánh giá tình hình thực tế qua đó đóng góp ý kiến cho Ban Giám đốc.

Ban điều hành luôn theo dõi sát sao và chỉ đạo công tác đầu tư nâng cấp sửa chữa, mua sắm công cụ dụng cụ tại các nhà hàng, khách sạn theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trước bối cảnh tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác lên kế hoạch, chiến lược ứng phó với từng tình huống cụ thể và duy trì hoạt động kinh doanh.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Trong năm 2021 HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo và tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tốt nhất.

Để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược Thâm nhập thị trường: tăng số lượng nhân viên bán hàng và lực lượng cộng tác viên, tăng phí quảng cáo, tăng các sản phẩm khuyến mãi. Đồng thời xây dựng một chiến lược marketing khoa học phù hợp ngành dịch vụ ăn uống, lễ hành. Cùng với đó xây dựng chính sách giá thành hấp dẫn phù hợp từng loại thị trường.

Tiếp tục phát triển sản phẩm mới và sản phẩm khác biệt: nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng đẳng cấp. Trong đó chú trọng khác biệt về chất lượng, hình thức trình bày, dịch vụ bổ sung, cơ sở vật chất cung cấp dịch vụ và văn hóa của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẽ áp dụng các giải pháp để kích thích gia tăng năng suất lao động, phát huy sáng kiến cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, củng cố và nâng cao tay nghề người lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, nhẹ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.





5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- » BAN KIỂM SOÁT
- » CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai hoạt động với 5 thành viên gồm 1 Chủ tịch HĐQT, 1 Phó Chủ tịch HĐQT và 3 thành viên HĐQT. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp để luôn bám sát tình hình hoạt động diễn ra trong năm của công ty, đồng thời phối hợp với nhau để giải quyết các vấn đề mà công ty đang gặp khó khăn nhằm đảm bảo hoạt động công ty diễn ra suôn sẻ, ổn định, hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	901.000	12,07%
2	Nguyễn Minh Thức	Phó Chủ tịch HĐQT	1.330.150	17,83%
3	Nguyễn Văn An	Thành viên HĐQT	909.000	12,19%
4	Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	1.219.500	16,35%
5	Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	900.150	12,06%

Cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
2	Nguyễn Minh Thức	Phó Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
3	Nguyễn Văn An	Thành viên HĐQT	8/8	100%
4	Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	8/8	100%
5	Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	8/8	100%

Lý lịch thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hồng Quân Chủ tịch HĐQT

- Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,06% vốn điều lệ)

Ông Phạm Đức Bình Thành viên HĐQT

- Trình độ học vấn: Đại học chuyên ngành Tài chính kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thanh Bình.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: đại diện cho Công ty TNHH Thanh Bình: 1.219.500 cổ phiếu (chiếm 12,35% vốn điều lệ)

Ông Nguyễn Minh Thức - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Xem lý lịch của HĐQT tại trang 26

Ông Nguyễn Văn An - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem lý lịch của HĐQT tại trang 26

Ông Huỳnh Quốc Bảo - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

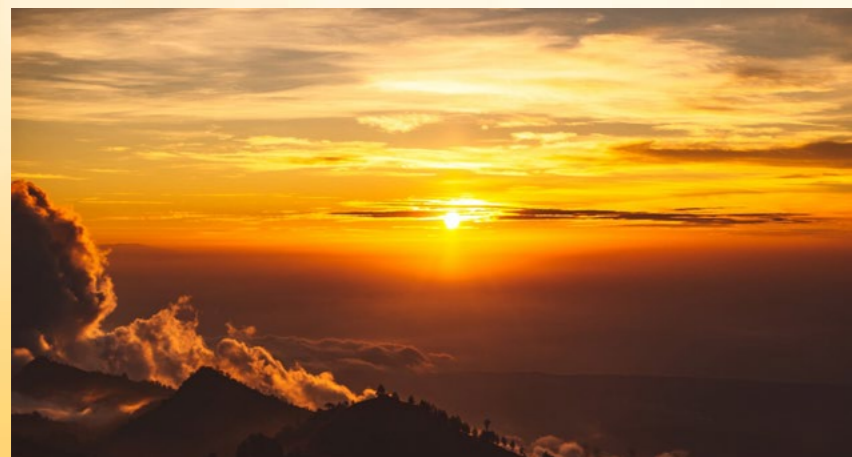
Xem lý lịch của HĐQT tại trang 27



Các Nghị quyết/Quyết định ban hành trong năm

Trong năm qua, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	15/DLĐN/HĐQT-NQ	18/01/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019. 2. Thống nhất chủ trương phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2019. 3. Chấp thuận quyết toán quỹ tiền lương thực hiện, quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019. 4. Đồng ý kế hoạch kinh doanh năm 2020. 5. Thống nhất quỹ tiền lương, thưởng năm 2020.
2	28/DLĐN/HĐQT-NQ	19/02/2020	Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông năm 2020
3	45/DLĐN/HĐQT-NQ	8/4/2020	Thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông năm 2020
4	54/DLĐN/HĐQT-NQ	12/5/2020	Thống nhất kế hoạch hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai và Công ty TNHH MTV Hoàng An Khang, góp vốn hợp tác đầu tư và khai thác kinh doanh loại hình dịch vụ ăn uống "CLB giải trí NGÀY ẤY" tại Nhà Hàng Đồng Nai. Thống nhất bản dự thảo hợp đồng giữa hai bên.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 04 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ trong 08 tháng cuối năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Hội đồng Quản trị đồng ý điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty. 2. Để đảm bảo đời sống và giữ chân người lao động, đồng ý Quỹ tiền lương cho người lao động năm 2020 tối thiểu bằng 80% Quỹ tiền lương đã được Hội đồng Quản trị thông qua trong cuộc họp lần thứ I, ngày 18/01/2020. 3. Thống nhất sửa chữa nâng cấp sảnh tiệc Rose 1, Rose 2 thành 01 sảnh tiệc công suất phục vụ 45 bàn, dự kiến chi phí đầu tư nâng cấp khoảng 04 tỷ đồng. 4. Đồng ý sửa chữa nâng cấp 07 phòng ngủ tại khách sạn Hòa Bình đạt chất lượng cao. 5. Thống nhất nhận lại khoản tiền hỗ trợ, bồi thường mà trước đây Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo công văn số 9492/UBND-KT ngày 18/11/2009, tổng số tiền 2.912.559.000 đồng, theo dự án khách sạn Hòa Bình mở rộng. 6. Nhất trí chủ trương của Ban Điều hành công ty tiếp tục làm văn bản đề nghị làm việc với cơ quan Nhà nước tiến hành kiến nghị gia hạn thời gian sử dụng đất là 24 tháng (5.200,0 m²) tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. 7. Thống nhất tổ chức Đại hội Đồng cổ đông Công ty vào ngày 26/06/2020.
5	62/DLĐN/HĐQT-NQ	1/6/2020	

Các Nghị quyết/Quyết định ban hành trong năm (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	92/DLĐN/HĐQT-NQ	5/11/2020	Thống nhất nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm.
7	108/DLĐN/HĐQT-NQ	24/12/2020	Thống nhất báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2020
8	110/DLĐN/HĐQT-NQ	26/12/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu nhận tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2020.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia chương trình về quản trị công ty:

Trong năm qua, Ông Nguyễn Minh Thức — Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc đã tham gia lớp Quản trị điều hành du lịch.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0%
2	Phạm Văn Tâm	Kiểm soát viên	750	0,01%
3	Tổng Duy Khương	Kiểm soát viên	900.000	12,06%

Thay đổi thành viên trong Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Tổng Duy Khương	Kiểm soát viên	Bỏ nhiệm ngày 26/06/2020
2	Nguyễn Thị Phương Mai	Kiểm soát viên	Từ nhiệm ngày 26/06/2020

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	2/2	100%
2	Phạm Văn Tâm	Kiểm soát viên	2/2	100%
3	Tổng Duy Khương	Kiểm soát viên	2/2	100%



Lý lịch thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Hoàng Anh
Trưởng Ban Kiểm soát

- Trình độ học vấn: Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - không có
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Ông Phạm Văn Tâm
Kiểm soát viên

- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bochang Donatours
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 750 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Ông Tống Duy Khương
Kiểm soát viên

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV ĐTPT Bửu Long.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
 - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,06% vốn điều lệ)



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Hoạt động của Ban Kiểm soát diễn ra theo đúng Quy chế hoạt động mà Ban Kiểm soát đã đề ra. Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp và đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình tuân thủ điều lệ hoạt động, các chính sách, chế độ, pháp luật của nhà nước, các quy chế hoạt động của công ty.
- Tham gia kiểm soát thường xuyên các hoạt động kinh doanh tại công ty và các đơn vị kinh doanh trực thuộc công ty.
- Ban Kiểm soát họp xem xét báo cáo tài chính năm 2020 để đánh giá, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp và trao đổi với Kiểm toán độc lập để kịp thời cập nhật, phân tích các kết quả soát xét/kiểm toán cũng như các biến động của khoản mục trên báo cáo tài chính.
- Giám sát việc triển khai kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như kết quả kinh doanh, tiến độ đầu tư, phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quan trọng của HĐQT và luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định công bố thông tin, quy định nội bộ về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban chuyên môn để góp phần vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và hoàn thành nhiệm vụ của Ban Giám đốc giao phó.
- Ban Kiểm soát đều nhận được thông tin, tài liệu, các biên bản, nghị quyết của HĐQT để cập nhật và đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng của mình và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của công ty cũng như hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Họ và Tên	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND
1	Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.700.000.000	1.248.000.000
		1.700.000.000	1.248.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời gian giao dịch	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ	2020	- Bán hàng - Chia cổ tức	986.458.182 2.460.000.000



Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai luôn chú trọng trong việc xây dựng cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch, đồng thời hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ phục vụ cho công tác quản lý và điều hành công ty. Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật, quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định. Ngoài ra, Công ty thực hiện hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở cho hoạt động thường xuyên của toàn công ty, bao gồm: quy chế tài chính, quy chế quản lý người đại diện tại doanh nghiệp khác, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.... Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty trên cơ sở kế hoạch đề ra và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, nhằm theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty, cổ đông và các bên liên quan.

Ngoài ra, Donatours luôn tăng cường nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- » Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- » BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 269/2021/BCKT-HCM.00844

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.832.791.063	64.449.346.181
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.304.870.228	16.230.253.303
Tiền	111		5.239.705.074	9.167.752.156
Các khoản tương đương tiền	112		4.065.165.154	7.062.501.147
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.290.197.792	37.363.304.390
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	41.290.197.792	37.363.304.390
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.014.083.463	6.723.554.532
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.306.873.462	3.728.988.660
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	841.285.309	247.064.681
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.865.924.692	2.747.501.191
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		3.737.103.540	3.582.793.409
Hàng tồn kho	141	5.6	3.737.103.540	3.582.793.409
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		486.536.040	549.440.547
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	486.536.040	549.440.547
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TRẦN ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

TRẦN THỊ LAN
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.216.941.594	52.503.897.056
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.760.649.000	3.776.071.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	3.760.649.000	3.776.071.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		30.748.099.506	34.657.311.262
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	27.317.481.506	31.223.693.262
Nguyên giá	222		100.114.077.973	100.548.614.173
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.796.596.467)	(69.324.920.911)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.430.618.000	3.433.618.000
Nguyên giá	228		3.742.097.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.479.750)	(308.479.750)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.317.540.284	3.229.722.102
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	3.317.540.284	3.229.722.102
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	3.328.746.350	3.500.944.074
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.695.200.000	1.695.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.901.250.000	1.901.250.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(267.703.650)	(95.505.926)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.061.906.454	7.339.848.618
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	6.061.906.454	7.339.848.618
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.049.732.657	116.953.243.237

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		26.353.355.132	36.369.209.155
Nợ ngắn hạn	310		23.599.883.294	33.430.732.906
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	3.675.607.413	4.270.928.880
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	4.126.817.397	3.745.098.730
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.442.299.425	3.298.368.566
Phải trả người lao động	314	5.14	1.785.438.480	5.946.325.099
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	106.575.465	361.548.749
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	164.863.636	90.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	4.065.110.750	7.948.159.095
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	7.233.170.728	7.770.303.787
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		2.753.471.838	2.938.476.249
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	741.600.000	696.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	2.011.871.838	2.241.876.249
Quý phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.696.377.525	80.584.034.082
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	80.696.377.525	80.584.034.082
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.902.986.715	5.902.986.715
Cổ phiếu quỹ	415		(2.506.253.750)	(2.506.253.750)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.702.894.560	2.590.551.117
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.693.946.845	1.404.100.289
LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.008.947.715	1.186.450.828
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.049.732.657	116.953.243.237

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH THỨC
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		198.841.505.498	267.280.801.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	198.841.505.498	267.280.801.518
Giá vốn hàng bán	11	6.2	156.245.568.595	200.468.158.289
Lợi nhuận gộp	20		42.595.936.903	66.812.643.229
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.256.024.789	3.322.383.544
Chi phí tài chính	22	6.4	176.803.808	95.544.553
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.536.987	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	34.499.909.061	46.100.981.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.064.283.590	9.340.774.658
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.110.965.233	14.597.726.503
Thu nhập khác	31	6.7	658.324.152	1.124.411.119
Chi phí khác	32	6.8	63.000.000	-
Lợi nhuận khác	40		595.324.152	1.124.411.119
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.706.289.385	15.722.137.622
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.001.089.820	3.055.844.705
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.705.199.565	12.666.292.917
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	639	1.040

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH THỨC
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.706.289.385	15.722.137.622
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.909.211.756	4.396.879.707
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	(57.806.687)	(51.568.824)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04	69.097	38.627
Chi phí lãi vay	05	(3.298.752.062)	(3.322.383.544)
Chi phí lãi vay	06	4.536.987	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.263.548.476	16.745.103.588
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.436.651.409	(1.238.417.960)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(154.310.131)	1.156.600.605
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5.057.194.168)	(110.471.151)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.340.846.671	(1.750.405.327)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.536.987)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.555.844.705)	(2.491.731.772)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.940.000	13.900.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.498.466.681)	(5.815.859.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.779.633.884	6.508.718.072
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(87.818.182)	(254.318.181)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	42.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.508.000.000)	(42.419.185.870)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	26.681.613.699	38.408.791.326
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.443.759.348	3.043.803.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.427.717.862)	(1.220.909.387)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.200.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.200.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.277.230.000)	(7.277.363.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.277.230.000)	(7.277.363.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	16.230.253.303	18.219.846.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(69.097)	(38.627)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	9.304.870.228	16.230.253.301

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Người lập biểuĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Kế toán trưởngNGUYỄN MINH THỨC
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2016 về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo Quyết định 63/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán : DNT
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký : 7.459.675 Cổ phiếu
- Tổng giá trị : 74.596.750.000 đồng

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ lữ hành.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1)	Khách sạn Hòa Bình – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	06, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
2)	Trung tâm dịch vụ lữ hành – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
3)	Khách sạn Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
4)	Trung tâm thương mại tổng hợp – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh công nghệ phẩm.
5)	Nhà hàng Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	33, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
6)	Nhà hàng Sen Vàng – CN Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 179 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 199 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các khoản đầu tư liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-33 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 278,1 m², nguyên giá là 3.353.886.000 VND, thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại thửa số 158, tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 25 m², nguyên giá là 150.000.000 VND (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Công ty tạm trích khấu hao là 50 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2020 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.14 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Bên có liên quan của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt		
+ VND	907.415.876	1.811.313.362
+ USD	6.601.285	6.631.415
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	4.311.905.150	7.335.395.058
+ USD	13.782.763	14.412.321
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	4.065.165.154	7.062.501.147
	9.304.870.228	16.230.253.303

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 3 tháng, lãi suất tiền gửi 3,5%/năm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ – USD	286,95	6.601.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	598,34	13.782.763

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	41.290.197.792	41.290.197.792	37.363.304.390	37.363.304.390
	41.290.197.792	41.290.197.792	37.363.304.390	37.363.304.390

(*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 6,3%/năm đến 8,3%/năm.

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1.695.200.000	-	1.695.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	1.695.200.000	267.703.650	(*)	1.695.200.000	95.505.926	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.901.250.000	-	1.901.250.000	-	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	126.250.000	-	(*)	126.250.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1.575.000.000	-	(*)	1.575.000.000	-	(*)
	3.596.450.000	267.703.650	3.596.450.000	95.505.926		

Thông tin chi tiết của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày đầu năm	95.505.926	-
Trích lập dự phòng trong năm	172.197.724	95.505.926
Tại ngày cuối năm	267.703.650	95.505.926

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan	174.095.999	594.649.999
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	174.095.999	594.649.999
Phải thu các khách hàng khác	2.132.777.463	3.135.688.636
Công ty may Đồng Tiến	-	381.280.136
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	622.491.000	-
Công ty TNHH Việt Nam NOK	-	399.674.094
Các khách hàng khác	1.510.286.463	2.353.384.431
	2.306.873.462	3.728.988.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH MTV Quảng cáo Ngọc Tùng	636.363.636	-
Công ty TNHH Hàng không Tre Việt	65.183.000	39.725.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	53.110.509	50.000.000
Công ty CP Du lịch Quốc Tế Sao Biển	-	97.820.000
Các nhà cung cấp khác	86.628.164	59.519.681
	841.285.309	247.064.681

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi	1.282.218.809	-	1.334.050.592	-
Phải thu tiền vé máy bay	499.454.883	-	1.390.237.598	-
Tạm ứng	82.466.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.785.000	-	23.213.001	-
	1.865.924.692	-	2.747.501.191	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	3.760.649.000	-	3.776.071.000	-
	3.760.649.000	-	3.776.071.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	331.144.906	-	294.042.799	-
Công cụ, dụng cụ	600.901.434	-	639.208.781	-
Hàng hóa	2.805.057.200	-	2.649.541.829	-
	3.737.103.540	-	3.582.793.409	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	279.012.807	392.006.991
Chi phí bảo hiểm	42.676.689	49.534.717
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	120.055.661	86.712.838
Phần mềm quản lý	18.433.502	15.416.665
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.357.381	5.769.336
	486.536.040	549.440.547

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.765.504.868	2.480.145.991
Chi phí sửa chữa lớn nhà hàng, khách sạn chờ phân bổ	4.279.401.592	4.819.035.974
Phần mềm quản lý	11.666.658	25.666.662
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.333.336	14.999.991
	6.061.906.454	7.339.848.618

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01/01/2020	76.150.047.203	17.380.399.269	6.780.275.225	237.892.476	100.548.614.173
Thanh lý trong năm	-	-	(434.536.200)	-	(434.536.200)
Tại ngày 31/12/2020	76.150.047.203	17.380.399.269	6.345.739.025	237.892.476	100.114.077.973
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01/01/2020	49.407.948.199	13.867.206.026	5.858.715.883	191.050.803	69.324.920.911
Khấu hao trong năm	2.372.126.415	1.246.723.411	269.686.926	17.675.004	3.906.211.756
Thanh lý trong năm	-	-	(434.536.200)	-	(434.536.200)
Tại ngày 31/12/2020	51.780.074.614	15.113.929.437	5.693.866.609	208.725.807	72.796.596.467
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2020	26.742.099.004	3.513.193.243	921.559.342	46.841.673	31.223.693.262
Tại ngày 31/12/2020	24.369.972.589	2.266.469.832	651.872.416	29.166.669	27.317.481.506
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2020	18.031.956.540	10.125.758.604	3.986.520.681	149.517.474	32.293.753.299
Tại ngày 31/12/2020	19.911.312.398	11.794.818.149	4.197.486.299	149.517.474	36.053.134.320

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
Tại ngày 31/12/2020	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	70.268.000	238.211.750	308.479.750
Khấu hao trong năm	3.000.000	-	3.000.000
Tại ngày 31/12/2020	73.268.000	238.211.750	311.479.750
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.433.618.000	-	3.433.618.000
Tại ngày 31/12/2020	3.430.618.000	-	3.430.618.000
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
Tại ngày 01/01/2020	-	238.211.750	238.211.750
Tại ngày 31/12/2020	-	238.211.750	238.211.750

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình trong năm VND	31/12/2020 VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình mở rộng khách sạn Hòa Bình	3.118.704.011	-	-	3.118.704.011
- Công trình xây dựng khách sạn Nhơn Trạch	111.018.091	-	-	111.018.091
- Vách ngăn tiểu cảnh Khách sạn Đồng Nai	-	87.818.182	-	87.818.182
	3.229.722.102	87.818.182	-	3.317.540.284

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	1.461.541.705	654.647.697
Cơ sở Hải sản Hưng Huy Phát	142.198.000	170.336.000
Cơ sở hải sản Trần Thị Chi	352.834.193	662.151.238
Nguyễn Thị Dung	202.976.000	215.740.200
Các nhà cung cấp khác	1.516.057.515	2.568.053.745
	3.675.607.413	4.270.928.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Khách hàng đặt cọc tiệc	3.142.874.800	1.652.507.504
Các khách hàng khác	983.942.597	2.092.591.226
	4.126.817.397	3.745.098.730

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2020 Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.174.584.716	5.521.123.379	(6.044.869.346)	650.838.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.405.844.705	1.001.089.820	(1.555.844.705)	851.089.820
Thuế thu nhập cá nhân	56.381.812	239.709.867	(289.047.520)	7.044.159
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	661.557.333	1.338.223.139	(1.066.453.775)	933.326.697
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	3.298.368.566	8.109.146.205	(8.965.215.346)	2.442.299.425

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.706.289.385	15.722.137.622
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	180.619.097	187.073.627
Các khoản điều chỉnh giảm	(230.004.411)	(147.074.750)
Thu nhập chịu thuế	7.656.904.071	15.762.136.499
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(506.262.500)	(482.912.975)
Thu nhập tính thuế	7.150.641.571	15.279.223.524
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh	1.430.128.314	3.055.844.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14	(429.038.494)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.001.089.820	3.055.844.705

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quý lương còn phải trả	1.785.438.480	5.946.325.099
	1.785.438.480	5.946.325.099

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả tiền điện, nước, điện thoại	104.575.465	257.638.598
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	2.000.000	63.027.452
Chi phí sửa chữa	-	40.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	882.699
	106.575.465	361.548.749

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	164.863.636	90.000.000
	164.863.636	90.000.000

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Cổ tức phải trả	3.654.630.750	7.291.398.250
Tiền vé máy bay phải trả cho Vietnam Airlines	241.980.000	430.433.829
Hợp đồng hợp tác Kinh doanh số 55 (Nhà hàng Đồng Nai)	150.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	6.500.000	90.000.010
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.000.000	136.327.006
	4.065.110.750	7.948.159.095

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	741.600.000	696.600.000
	741.600.000	696.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2020 VND	Trích quỹ trong năm VND	Tăng khác VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2020 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.001.531.353	2.952.393.622	8.940.000	(3.361.166.681)	6.601.698.294
Quỹ thưởng Ban điều hành	768.772.434	-	-	(137.300.000)	631.472.434
	7.770.303.787	2.952.393.622	8.940.000	(3.498.466.681)	7.233.170.728

5.19 Dự phòng phải trả dài hạn

	01/01/2020 VND	Chi trả trong năm VND	31/12/2020 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.241.876.249	(230.004.411)	2.011.871.838
	2.241.876.249	(230.004.411)	2.011.871.838

Là khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức ½ tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc tại thời điểm trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2019					
Tại ngày 01/01/2019	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	1.404.100.289	79.397.583.254
Lãi trong năm	-	-	-	12.666.292.918	12.666.292.918
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019	-	-	-	(7.280.925.000)	(7.280.925.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.798.917.090)	(3.798.917.090)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.590.551.117	80.584.034.082
Năm 2020					
Tại ngày 01/01/2020	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.590.551.117	80.584.034.082
Lãi trong năm	-	-	-	6.705.199.565	6.705.199.565
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(3.640.462.500)	(3.640.462.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(2.055.789.350)	(2.055.789.350)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019	-	-	-	(896.604.272)	(896.604.272)
Tại ngày 31/12/2020	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.702.894.560	80.696.377.525

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	49.200.000.000	65,95	49.200.000.000	65,95
Công ty TNHH Thanh Bình	12.195.000.000	16,35	12.195.000.000	16,35
Bà Huỳnh Thị Bích Phượng	7.942.500.000	10,65	7.942.500.000	10,65
Các cổ đông khác	3.471.750.000	4,65	3.471.750.000	4,65
Cổ phiếu quỹ được mua lại	1.787.500.000	2,40	1.787.500.000	2,40
	74.596.750.000	100,00	74.596.750.000	100,00

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.459.675	7.459.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu phổ thông	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	178.750	178.750
- Cổ phiếu phổ thông	178.750	178.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 cho các cổ đông với số tiền 3.640.462.500 VND (một cổ phiếu đang lưu hành được nhận 500 VND); tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2020 với số tiền 2.055.789.350 VND, lợi nhuận 2019 với số tiền 896.604.272 VND và đã được Hội đồng quản trị thông qua.

5.21 Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	885,29	910,59

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	198.841.505.498	267.280.801.518
	198.841.505.498	267.280.801.518

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ trọng yếu cho công ty liên kết.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	156.245.568.595	200.468.158.289
	156.245.568.595	200.468.158.289

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	2.749.762.289	2.839.470.569
Cổ tức, lợi nhuận được chia	506.262.500	482.912.975
	3.256.024.789	3.322.383.544

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	4.536.987	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	172.197.724	95.505.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	69.097	38.627
	176.803.808	95.544.553

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	19.453.873.013	25.255.515.320
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.353.497.485	3.973.173.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.686.162.919	4.127.151.747
Thuế, phí và lệ phí	1.299.192.664	1.540.467.847
Chi phí điện nước, điện thoại, vật tư, công cụ dụng cụ, sửa chữa bảo trì	6.102.424.478	6.538.760.697
Chi phí bán hàng khác	1.604.758.502	4.665.912.256
	34.499.909.061	46.100.981.059

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.601.157.226	7.092.143.323
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.956.774	77.200.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.048.837	269.727.960
Thuế, phí và lệ phí	223.181.398	341.829.201
Chi phí điện thoại, vận chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa	344.531.072	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	623.408.283	1.559.874.087
	4.064.283.590	9.340.774.658

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	5.154.546	23.600.000
Lãi thanh lý tài sản cố định	42.727.273	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	-	455.000.000
Thu nhập từ các khoản chiết khấu, hỗ trợ	395.199.465	322.931.050
Thu nhập từ tiền cọc khách hàng bỏ tiệc	101.406.030	106.000.000
Lãi từ khoản thế chấp, ký cược	102.539.319	148.957.886
Thu nhập khác	11.297.519	67.922.183
	658.324.152	1.124.411.119

6.8 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	63.000.000	-
	63.000.000	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.705.199.565	12.666.292.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.055.789.350)	(4.695.521.362)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	(400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.667.190.215	7.570.771.556
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.280.925	7.280.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	639	1.040

(*) Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2020 với tổng số tiền 2.055.789.350 VND và đã được Hội đồng quản trị thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.280.925	7.280.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.280.925	7.280.925

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí mua hàng hóa	125.131.762.658	149.264.669.917
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.604.650.908	35.635.377.449
Chi phí nhân công	22.240.190.239	37.080.133.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.909.211.756	4.396.879.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.343.254.253	21.350.440.116
Chi phí khác	25.580.691.432	7.143.374.369
	194.809.761.246	254.870.874.714

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.248.000.000	1.700.000.000
	1.248.000.000	1.700.000.000

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long		
- Bán hàng	986.458.182	2.188.719.997
- Chia cổ tức	2.460.000.000	4.920.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Người lập

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH THỨC
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2021





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Chức